**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện chuyển đổi số 09 tháng đầu năm 2024**

*(Thời gian lấy số liệu từ 01/01/2024 đến 10/9/2024)*

1. **Kết quả triển khai 09 tháng đầu năm 2024.**

***1. Nhận thức số***

- Trang thông tin chuyển đổi số của đơn vị đã đưa được …. tin bài và thu hút được khoảng …. lượt người theo dõi.

- Công tác tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số.

***2. Hạ tầng số***

***3. Dữ liệu số***

***4. Nhân lực số***

***5. An toàn, an ninh mạng***

***6. Chính quyền số***

***7. Kinh tế số***

***8. Xã hội số***

***9. Kết quả triển khai nổi bật***

1. **Những khó khăn, vướng mắc**
2. **Đề xuất, kiến nghị**
3. **Các nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2024.**

**Phụ lục: Các chỉ tiêu được giao thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024**

Đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo phụ lục sau:

| **STT** | **Các chỉ tiêu** | **Chỉ tiêu** | **Kết quả**  **đến ngày 10/9/2024** | | **Ghi chú** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Phát triển hạ tầng số** | | |  | |  | |
| 1 | Tiếp tục duy trì hạ tầng kỹ thuật phục vụ hệ thống Hội nghị trực tuyến đồng bộ ở cả 03 cấp chính quyền và kết nối với hệ thống Hội nghị trực tuyến quốc gia. |  |  | |  | |
| 2 | Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu: điện; tài nguyên môi trường; an ninh-trật tự; kiểm soát mực nước hồ đập… |  |  | |  | |
| **II** | **Ứng dụng CNTT trong các CQNN** | | |  | |  | |
| 1 | Tỷ lệ các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường mạng (trừ văn bản có hồ sơ mật theo quy định). | 100% |  | |  | |
| 2 | Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. | 30% |  | | Ngày 29/3/2023, Sở Thông tin và Truyền thông đã có Công văn số 3347/STTTT-CNTT về hướng dẫn cách tính chỉ tiêu về hoạt động kiểm tra, giám sát trên môi trường mạng tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021.  Công thức: | |
| 3 | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. | 100% |  | | - Đề nghị cung cấp số lượng dữ liệu mở đã cung cấp trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh theo Công văn số 2292/STTTT-CNTT ngày 20/9/2023; Công văn số 1878/STTTT-CNTT ngày 03/8/2023 và Công văn số 1067/STTTT-CNTT ngày 10/5/2024. | |
| 4 | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các khóa học về chuyển đổi số trên nền tảng đào tạo trực tuyến đại trà. | 100% |  | | - Đề nghị cung cấp cụ thể số lượng CBCC, VC đã tham gia các khóa học chuyển đổi số (theo cả 02 hình thức: trực tiếp và trực tuyến).  Công thức tính: | |
| **III** | **Ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp** | | |  | |  | |
| 1 | Tỷ lệ các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và được cung cấp trên các phương tiện truy cập khác nhau. | 100% |  | |  | |
| 2 | Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính. | 95% |  | |  | |
| 3 | Tỷ lệ thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay. | 20% |  | |  | |
| **IV** | **Bảo đảm an toàn thông tin** |  |  | |  | |
| 1 | Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị được phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin phải triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ. | 100% |  | |  | |
| 2 | Tỷ lệ các cơ quan nhà nước gán nhãn tín nhiệm mạng trên cổng/trang thông tin điện tử. | 100% |  | |  | |
| 3 | Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo quy định. | Số liệu cụ thể |  | |  | |